

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi gồm có 04 trang)

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh.....  
Số báo danh.....

Mã đề thi 002

(Lưu ý: Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam trong phòng thi)

- Câu 41.** Đi từ đông sang tây, các dạng địa hình của vùng Bắc Trung Bộ nước ta lần lượt là  
A. bờ biển, đồng bằng, núi, cao nguyên. B. bờ biển, đồng bằng, đồi trước núi, núi cao.  
C. bờ biển, đầm phá, đồng bằng, núi cao. D. đồng bằng, đầm phá, đồi trước núi, núi cao.
- Câu 42.** Ngập lụt ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long nước ta gây hậu quả nghiêm trọng cho sản xuất vụ lúa  
A. hè thu. B. mùa. C. xuân hè. D. đông xuân.
- Câu 43.** Ở khu vực Nam Bộ nước ta, những ngành công nghiệp tương đối non trẻ nhưng phát triển mạnh là  
A. dầu khí, sản xuất điện - đạm từ khí. B. dầu khí, điện tử, luyện kim màu.  
C. cơ khí, điện tử, hóa chất. D. cơ khí, dầu khí, hóa chất.
- Câu 44.** Hạn chế lớn nhất đối với việc sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng nước ta là  
A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm. B. thiếu nguyên liệu tại chỗ.  
C. lao động kỹ thuật hạn chế. D. cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ.
- Câu 45.** Biểu hiện của sự suy thoái tài nguyên đất ở vùng đồng bằng nước ta là  
A. đất bị xói mòn, rửa trôi, xâm thực. B. đất trồng đồi núi trọc gia tăng.  
C. đất bạc màu tro sỏi đá. D. đất bị ô nhiễm, canh tác quá mức.
- Câu 46.** Nền nông nghiệp cổ truyền nước ta còn phổ biến ở những vùng  
A. gần thị trường tiêu thụ nông sản. B. có nhiều khó khăn cho sản xuất.  
C. hạn hán vào mùa khô. D. dân cư tập trung đông đúc.
- Câu 47.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết những trạm khí hậu nào sau đây có chế độ mưa về thu đông?  
A. Đồng Hới, Đà Nẵng, Nha Trang. B. Sa Pa, Điện Biên Phủ, Đà Lạt.  
C. TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau. D. Lạng Sơn, Hà Nội, Thanh Hóa.
- Câu 48.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Phúc Yên **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?  
A. Cơ khí. B. Hóa chất. C. Dệt may. D. Vật liệu xây dựng.
- Câu 49.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số lớn nhất vùng Tây Nguyên?  
A. Kon Tum. B. Pleiku. C. Đà Lạt. D. Buôn Ma Thuột.
- Câu 50.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết tuyến đường biển ven bờ nào sau đây dài nhất?  
A. Đà Nẵng - Quy Nhơn. B. Hải Phòng - TP. Hồ Chí Minh.  
C. Quy Nhơn - Phan Thiết. D. Hải Phòng - Đà Nẵng.
- Câu 51.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long?  
A. Cà Mau. B. Long An. C. Trà Vinh. D. Bến Tre.
- Câu 52.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản nhỏ nhất?  
A. Hải Phòng. B. Đà Nẵng. C. Cần Thơ. D. Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Câu 53.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết đảo Cồn Cỏ thuộc tỉnh/thành nào sau đây?  
A. Thanh Hóa. B. Quảng Bình. C. Hải Phòng. D. Quảng Trị.
- Câu 54.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết mỏ sắt Thạch Khê thuộc tỉnh nào sau đây?  
A. Hà Tĩnh. B. Thái Nguyên. C. Hà Giang. D. Yên Bái.

**Câu 55.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch Đà Nẵng có các tài nguyên du lịch nào sau đây?

- A. Thắng cảnh, di tích lịch sử cách mạng, làng nghề cổ truyền, di sản thiên nhiên thế giới.
- B. Làng nghề cổ truyền, thắng cảnh, di tích lịch sử cách mạng, du lịch biển.
- C. Di sản văn hóa thế giới, du lịch biển, di tích lịch sử cách mạng, thắng cảnh.
- D. Thắng cảnh, di tích lịch sử cách mạng, làng nghề cổ truyền, lễ hội truyền thống.

**Câu 56.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết động vật đặc trưng nào sau đây thuộc vườn quốc gia Côn Đảo?

- A. Voi, Bò tót, Khỉ.
- B. Tê giác, cá Sấu, Hươu.
- C. Sao la, Gấu, Vượn.
- D. Bò biển, Rùa, Đồi mồi, Sóc đen.

**Câu 57.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

- A. Sông Thái Bình.
- B. Sông Hồng.
- C. Sông Đồng Nai.
- D. Sông Ba (Đà Rằng).

**Câu 58.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết lát cắt địa hình C - D đi qua các đỉnh núi nào sau đây?

- A. Phan Xi Păng, Phu Luông, Phu Pha Phong.
- B. Kiều Liêu Ti, Tam Đảo, Yên Tử.
- C. Pu Tha Ca, Phia Ya, Phia Booc.
- D. Pu Si Lung, Pu Trà, Pha Luông.

**Câu 59.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết vùng kinh tế nào sau đây có hoạt động thương mại phát triển nhất?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 60.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất trên 1000 MW?

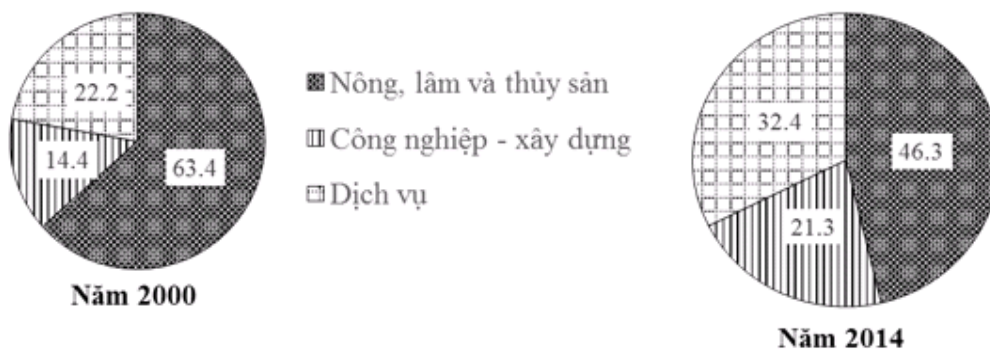
- A. Trị An.
- B. Yaly.
- C. Hòa Bình.
- D. Thác Bà.

**Câu 61.** Sản xuất nông nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ nước ta **không** có thể mạnh về

- A. trồng cây công nghiệp hàng năm.
- B. trồng cây công nghiệp lâu năm.
- C. trồng cây lương thực.
- D. đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

**Câu 62.** Cho biểu đồ:

### QUY MÔ VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA NƯỚC TA NĂM 2000 VÀ 2014



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB thống kê 2016)

Theo biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về quy mô và cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2000 và 2014?

- A. Tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản giảm nhanh.
- B. Tỷ trọng ngành dịch vụ có xu hướng tăng khá nhanh.
- C. Tỷ trọng lao động trong ngành nông - lâm - thủy sản lớn nhất.
- D. Tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng giảm 6,9%.

**Câu 63.** Thế mạnh chủ yếu để xây dựng các nhà máy thủy điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta là

- A. chế độ nước sông theo mùa.
- B. lao động có chuyên môn kỹ thuật.
- C. nhu cầu tiêu dùng điện lớn.
- D. sông lớn chảy trên địa hình dốc.

**Câu 64.** Phát biểu nào sau đây đúng về vùng biển đặc quyền kinh tế của nước ta?

- A. Vùng nước tiếp giáp với đất liền, được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền.
- B. Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở.

- C. Phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển, có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa.  
D. Rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở, nhà nước có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế.
- Câu 65.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm của ngành viễn thông của nước ta hiện nay?  
A. Mạng kỹ thuật số, tự động hóa, đa dịch vụ. B. Đón đầu các thành tựu kỹ thuật hiện đại.  
C. Phục vụ cho các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước. D. Tốc độ phát triển nhanh vượt bậc.
- Câu 66.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về thực trạng phát triển nghề cá của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nước ta?  
A. Hoạt động chế biến thủy sản đa dạng. B. Nuôi tôm hùm, tôm sú phát triển ở nhiều tỉnh.  
C. Bờ biển có nhiều vụng, đầm phá. D. Thủy sản góp phần giải quyết vấn đề thực phẩm.

**Câu 67.** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018**

Năm	Diện tích (Nghìn ha)		Sản lượng (Nghìn tấn)	
	Lúa	Ngô	Lúa	Ngô
2010	7489,4	1125,7	40005,6	4625,7
2018	7570,4	1039,0	43979,2	4905,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình sản xuất lương thực có hạt của nước ta năm 2010 và 2018?

- A. Năng suất ngô cao hơn năng suất lúa. B. Năm 2018 năng suất lúa đạt 53,4 tạ/ha.  
C. Sản lượng ngô tăng chậm hơn lúa. D. Diện tích lúa và ngô giảm mạnh.
- Câu 68.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa của mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc ở Đồng bằng sông Cửu Long nước ta?  
A. Phát triển giao thông đường bộ. B. Hình thành nền văn hóa sông nước.  
C. Phát triển giao thông đường sông. D. Mang phù sa bồi đắp đồng bằng.
- Câu 69.** Trong những năm gần đây, lớp phủ rừng ở Tây Nguyên nước ta giảm sút nhanh chóng chủ yếu do  
A. nạn phá rừng gia tăng, cháy rừng. B. mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp.  
C. xây dựng các nhà máy thủy điện. D. đẩy nhanh quá trình đô thị hóa.

- Câu 70.** Ngành du lịch nước ta phát triển nhanh từ đầu thập kỉ 90 của thế kỷ XX đến nay chủ yếu do  
A. nhu cầu du lịch tăng cao, đời sống cải thiện. B. tiềm năng phát triển ngành du lịch rất lớn.  
C. chính sách Đổi mới của Nhà nước. D. hình thức du lịch đa dạng, hấp dẫn.

- Câu 71.** Quá trình đô thị hóa của nước ta diễn ra chậm nguyên nhân chủ yếu do  
A. điểm xuất phát nền kinh tế thấp. B. công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển.  
C. quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm. D. nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo.

- Câu 72.** Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị nước ta còn cao **không** phải do  
A. số dân khu vực thành thị đông hơn nông thôn. B. thị trường lao động phát triển sâu rộng.  
C. nhiều ngành nghề đào tạo không phù hợp. D. lao động không nghề có tỷ trọng lớn.

- Câu 73.** Dân số nước ta có xu hướng già hóa nhanh **không** phải do nguyên nhân nào sau đây?  
A. Số người ngoài độ tuổi lao động ngày càng lớn. B. Tuổi thọ trung bình ngày càng cao.  
C. Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe được nâng cao. D. Tỷ suất sinh và tỷ suất tử giảm nhanh.

- Câu 74.** Sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do  
A. ngư dân có truyền thống, kinh nghiệm. B. đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến.  
C. mở rộng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ. D. tăng số lượng, công suất của tàu thuyền đánh bắt.

**Câu 75.** Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU GIÀY, DÉP VÀ HÀNG DỆT MAY CỦA NƯỚC TA  
GIAI ĐOẠN 2010 - 2017**

(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2010	2012	2014	2017
Giày dép	5,1	7,3	10,3	14,6
Hàng dệt may	11,2	14,4	20,1	31,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

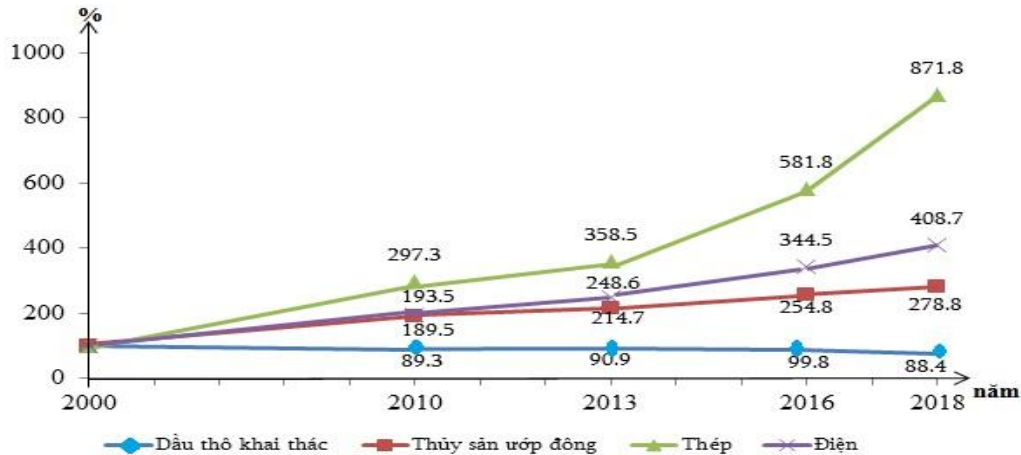
Theo bảng số liệu, để thể hiện giá trị xuất khẩu giày, dép và hàng dệt may của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Cột. C. Tròn. D. Đường.

**Câu 76.** Việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay đem lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- B. Thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng kinh tế.
- C. Tăng cường hội nhập vào nền kinh tế khu vực.
- D. Sử dụng hợp lý nguồn lao động trong nước.

**Câu 77.** Cho biểu đồ về sản lượng dầu thô khai thác, thủy sản ướp đông, thép và điện của nước ta giai đoạn 2008 - 2018



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô sản lượng dầu thô khai thác, thủy sản ướp đông, thép và điện.
- B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu thô khai thác, thủy sản ướp đông, thép và điện.
- C. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng dầu thô khai thác, thủy sản ướp đông, thép và điện.
- D. Cơ cấu sản lượng dầu thô khai thác, thủy sản ướp đông, thép và điện.

**Câu 78.** So với diện tích cả nước, địa hình đồi núi thấp chiếm khoảng 60% diện tích lãnh thổ do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Quá trình kiến tạo lâu dài, chịu tác động của ngoại lực.
- B. Địa hình được vận động tân kiến tạo làm trẻ lại.
- C. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.
- D. Nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu 79.** Thiên nhiên nước ta phân hóa theo chiều Bắc - Nam là sự kết hợp của các nhân tố chủ yếu nào sau đây?

- A. Hình dạng lãnh thổ, độ cao địa hình, vị trí gần biển.
- B. Vị trí nội chí tuyến, hoạt động gió mùa, độ cao địa hình.
- C. Hình dạng lãnh thổ, hoạt động hoàn lưu khí quyển, hướng địa hình.
- D. Hoạt động dòng biển, vị trí gần xích đạo, hướng địa hình.

**Câu 80.** Vùng Bắc Trung Bộ của nước ta có gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh nhất so với các vùng khác **không** phải do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Hướng địa hình của dãy Trường Sơn Bắc.
- B. Vị trí nội chí tuyến, lượng bức xạ mặt trời lớn.
- C. Hoạt động của áp thấp vịnh Bắc Bộ khơi sâu.
- D. Đồng bằng ven biển có bề mặt cát phổ biến.

----- HẾT -----